**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 - MÔN SINH HỌC 12**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

- **Thời điểm kiểm tra:** Giữa học kì I

- **Thời gian làm bài:** 45 phút.

- **Hình thức kiểm tra:** Trắc nghiệm & Tự luận

- **Cấu trúc:**

+ Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.*

+ Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng/đúng nhất: 12 Câu = 3 điểm;

+ Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 2 Câu = 8 ý = 2 điểm

+ Phần III. Trắc nghiệm câu trả lời ngắn: 8 câu = 2 điểm

+ Phần IV. Tự luận: 3 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| .**TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | | | | | **Tổng** | | | **Tỉ lệ**  **% điểm** |
| **TNKQ**  **nhiều lựa chọn** | | | **TNKQ**  **Đúng/Sai** | | | **TNKQ**  **trả lời ngắn** | | | **Tự luận** | | |
| **B** | **H** | **VD** | **B** | **H** | **VD** | **B** | **H** | **VD** | **B** | **H** | **VD** | **B** | **H** | **VD** |
| 1 | **CHƯƠNG 2. DI TRUYỀN NHIỄM SẮC THỂ** | ND1. Mở rộng học thuyết Mendel | 1 | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  |  | 1 | 2 | 0 | **67.5** |
| ND2. Di truyền giới tính và di truyền liên kết giới tính | 2 | 1 |  |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 3 | 1 | 0 |
| ND3. Liên kết gene và hoán vị gene | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  | 1 | 1 | 1 | 2  TL |
| ND4. Đột biến NST | 1 |  |  | 2 | 1 | 1 | 1 |  |  |  |  |  | 4 | 1 | 1 |
| ND5. Di truyền học người và di truyền y học | 1 | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 | 1 | 2 | 1  (1TL) |
| 2 | **CHƯƠNG 3. MỞ RỘNG HỌC THUYẾT DI TRUYỀN NHIỄM SẮC THỂ** | ND1. Di truyền gene ngoài nhân | 1 |  |  | 2 | 1 | 1 | 1 |  |  |  | 1 |  | 4 | 2 | 1  (1TL) | **32.5** |
| ND2. Tương tác giữa kiểu gene với môi trường và thành tựu chọn giống | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  | 1 |  |  |  | 2 | 0 | 1 |
| **Tổng số câu** | | | 8 | 4 | 0 | 4 | 2 | 2 | 4 | 2 | 2 | 0 | 1 | 2 | **16** | **9**  **(1TL)** | **6**  **(2TL)** |  |
| **Tổng số điểm** | | | 2 | 1 | 0 | 1 | 0.5 | 0,5 | 1 | 0.5 | 0.5 | 0 | 1 | 2 |  |  |  | **10** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30** | | | **20** | | | **20** | | | **30** | | | **40** | **30** | **30** | **100** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chương/  chủ đề | Nội dung/  đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt  (*Đã được tách ra theo các mức độ*) | Số lượng câu hỏi ở các mức độ | | | | | | | | | Tự luận | | |
| TNKQ | | | Đúng - Sai | | | Trả lời ngắn | | |  | | |
| B | H | VD | B | H | VD | B | H | VD | B | H | VD |
| ND1. Mở rộng học thuyết Mendel | **\* Nhận biết**  - Kể tên được 4 kiểu tương tác giữa các allele thuộc cùng một gene: trội hoàn toàn; trội không hoàn toàn và đồng trội và hiện tượng đa allele.  - Nêu được thế nào là hiện tượng đa hiệu của gene thông qua ví dụ về hệ nhóm máu ABO và hội chứng Marfan.  - Kể tên được 2 kiểu tương tác giữa các allele thuộc các gene khác nhau: tương tác gián tiếp và tương tác trực tiếp | 1  (NT1-NT2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| \* **Thông hiểu:**  - Giải thích được sản phẩm của các allele của cùng một gene tương tác với nhau theo kiểu trội không hoàn toàn thông  - Giải thích được sản phẩm của các allele của cùng một gene tương tác với nhau theo kiểu đồng trội. |  | 1  NT3-NT5 |  |  |  |  |  | 1  NT3-NT5 |  |  |  |  |
| **\* Vận dụng:**  - Giải thích được sản phẩm của các allele giữa các gene khác nhau có thể tương tác trực tiếp hoặc gián tiếp với nhau quy định tính trạng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | ND2. Di truyền giới tính và di truyền liên kết giới tính | Trình bày được khái niệm NST giới tính; di truyền giới tính.  - Phân tích được cơ chế di truyền xác định giới tính.  - Nêu được bối cảnh ra đời thí nghiệm Morgan  - Trình bày được cách bố trí thí nghiệm của Morgan, qua đó nêu được khái niệm di truyền liên kết với giới tính.  - Trình bày sự di truyền liên kết với nhiễm sắc thể X  - Trình bày sự di truyền liên kết với nhiễm sắc thể Y | 1  (NT1-NT2 |  |  |  |  |  | 1  (NT1-NT2 |  |  |  |  |  |
|  | \* **Thông hiểu:**  - Giải thích được tỉ lệ lí thuyết giới tính trong tự nhiên thường là 1: 1.  - Trình bày quan điểm của bản thân về việc điều khiển giới tính ở người theo ý muốn.  - Viết sơ đồ lai thuận, nghịch và cho biết tính gene quy định tính trạng trên NST X ở con được được truyền từ bố hay mẹ.  - Viết sơ đồ lai và cho biết tính gene quy định tính trạng trên NST Y ở con được được truyền từ bố hay mẹ. |  | 1(NT3-NT5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **\* Vận dụng:**  - Vận dụng những hiểu biết về di truyền giới tính và liên kết với giới tính để giải thích các vấn đề trong thực tiễn (điều khiển giới tính trong chăn nuôi, phát hiện bệnh do rối loạn cơ chế phân li, tổ hợp nhiễm sắc thể giới tính.) |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 (NT6-NT7) |  |  |  |
|  |  | ND3. Liên kết gene và hoán vị gene | \* **Nhận biết:**  - Phát biểu được khái niệm liên kết gene.  - Nêu được cơ sở tế bào học của hiện tượng liên kết gene.  - Nêu được vai trò của liên kết gene.  - Trình bày được cách bố trí và tiến hành thí nghiệm của Morgan khi thực hiện phép lai các dòng ruồi giấm khác nhau về tính trạng màu thân và độ dài cánh để phát hiện ra quy luật hoán vị gene.  - Phát biểu được khái niệm hoán vị gene.  - Nêu được cơ sở tế bào học của hiện tượng hoán vị gene.  - Nêu đươc cách tính tần số hoán vị gene; tính được tần số hoán vị gene cụ thể thông qua một số ví dụ.  - Nêu được vai trò của hoán vị gene.  - Nêu được khái niệm bản đồ di truyền.  - Nêu được quan điểm của Mendel và Morgan về tính quy luật của hiện tượng di truyền. | 1  (NT1-NT2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | \* **Thông hiểu:**  - Trình bày được cách bố trí và tiến hành thí nghiệm của Morgan khi thực hiện phép lai các dòng ruồi giấm khác nhau về tính trạng màu thân và độ dài cánh để phát hiện ra quy luật liên kết gene.  - Tính được số nhóm gene liên kết của loài thông qua ví dụ ở ruồi giấm.  - Trình bày được ý nghĩa của việc lập bản đồ di truyền. |  | 1  NT3-NT5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | **\* Vận dụng:**  - Tính được tần số hoán vị gene và viết được sơ đồ lai. |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 (NT6-NT7 |  |  | 1VD |
|  | ND4. ĐỘT BIẾN NST | \* **Nhận biết:**  - Phát biểu được khái niệm đột biến NST.  - Trình bày được nguyên nhân và cơ chế phát sinh đột biến cấu trúc NST.  - Trình bày được nguyên nhân và cơ chế phát sinh đột biến số lượng NST.  - Phân tích được tác hại của một số đột biến NST đối với sinh vật.  - Trình bày được vai trò của đột biến cấu trúc NST trong tiến hóa, chọn giống và nghiên cứu di truyền. | 1  (NT1-NT2 |  |  | 2  (NT1-NT2 |  |  | 1  (NT1-NT2 |  |  |  |  |  |
|  | \* **Thông hiểu:**  Phân biệt được các dạng đột biến cấu trúc NST.  Phân biệt được các dạng đột biến số lượng NST. Lấy được ví dụ minh họa |  |  |  |  | 1(NT3-NT5 |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | * Vận dụng   Phân tích được mối quan hệ giữa di truyền và biến dị. |  |  |  |  |  | 1 (NT6-NT7 |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **ND5.** Di truyền học người và di truyền y học | \* **Nhận biết:**  - Nêu được khái niệm và vai trò của di truyền học người, di truyền y học.  - Nêu được một số phương pháp nghiên cứu di truyền người (tập trung vào phương pháp phả hệ).  - Nêu được khái niệm y học tư vấn. Trình bày được cơ sở khoa học của y học tư vấn.  - Nêu được khái niệm liệu pháp gene. Vận dụng hiểu biết về liệu pháp gene để giải thích việc chữa trị các bệnh di truyền. | 1  (NT1-NT2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| \* **Thông hiểu:**  Giải thích được vì sao cần đến cơ sở tư vấn hôn nhân gia đình trước khi kết hôn và sàng lọc trước sinh. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| * Vận dụng   Xây dựng được phả hệ để xác định được sự di truyền tính trạng trong gia đình. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1TL |
|  | **CHƯƠNG 3. MỞ RỘNG HỌC THUYẾT DI TRUYỀN NHIỄM SẮC THỂ** | ND1. Di truyền gene ngoài nhân | \* **Nhận biết:**  - Trình bày được bối cảnh ra đời thí nghiệm của Correns.  - Trình bày được thí nghiệm chứng minh di truyền gene ngoài nhân của Correns,  - Trình bày được đặc điểm di truyền của gene ngoài nhân và một số ứng dụng. | 1  (NT1-NT2 |  |  | 2  (NT1-NT2 |  |  | 1  (NT1-NT2 |  |  |  |  |  |
|  |  | \* **Thông hiểu:**  - Giải thích được gene không những tồn tại trong nhân mà còn tồn tại ngoài nhân (trong các bào quan như ti thể, lạp thể)  - Giải thích được gene ở tế bào chất chỉ được truyền từ mẹ cho con vì hầu hết hợp tử chỉ nhận tế bào chất từ trứng của mẹ mà không nhận tế bào chất từ tinh trùng của bố. |  |  |  |  | 1(NT3-NT5 |  |  |  |  |  | 1TL |  |
|  |  |  | \* **Vận dụng:**  Dùng kiến thức về di truyền gen ngoài nhân (lục lạp, ti thể) để giải thích – dự đoán – giải quyết các tình huống thực tiễn, phép lai, phả hệ và hiện tượng sinh học có tính định hướng theo dòng mẹ. |  |  |  |  |  | 1 (NT6-NT7 |  |  |  |  |  |  |
|  |  | ND2. Tương tác giữa kiểu gene với môi trường và thành tựu chọn giống | \* **Nhận biết:**  - Phân tích được sự tương tác giữa kiểu gene và môi trường.  - Nêu được khái niệm mức phản ứng. Lấy được ví dụ minh họa. | 1  (NT1-NT2 |  |  |  |  |  | 1  (NT1-NT2 |  |  |  |  |  |
| \* **Thông hiểu:**  - Trình bày được bản chất di truyền là di truyền mức phản ứng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **\* Vận dụng:**  - Vận dụng được hiểu biết về thường biến và mức phản ứng của một kiểu gene, giải thích được một số ứng dụng trong thực tiễn (tạo và chọn giống, kĩ thuật chăn nuôi, trồng trọt…). |  |  |  |  |  |  |  |  | 1(NT5-NT7 |  |  |  |
| Tổng | | | | 12 câu | | | 2 câu 8 ý | | | 8 câu | | | 3 câu | | |